

THỐNG KÊ DI CĂN

U nguyên phát	Di căn
Đầu mặt cổ	
Tuyến giáp	
Phổi	Não, xương, gan, thượng thận, hạch cuống phổi, hạch rốn phổi, hạch trung thất, hạch trên đòn.
Sarcoma mô mềm	
Vú	Hạch nách, hạch vùng nách, hạch vú trong, hạch trên đòn, hạch dưới đòn Xương, não, gan, phổi.
Thực quản	
Dạ dày	Hạch nách, hạch trên đòn trái, gan, tụy, lách, mạc treo tràng ngang
Gan	
Đại tràng	Gan
Trực tràng	Gan > phổi, xương, não, buồng trứng
Ống hậu môn	
Buồng trứng	Hạch cạnh động mạch chủ
Thân tử cung	
Cổ tử cung	Hạch: hạch quanh CTC, hạch chu cung, hạch trước xương cùng/xương cùng, hạch chậu trong, chậu ngoài, hạch bịt, hạch chậu chung. Hạch xa: hạch cạnh động mạch chủ, di căn hạch xa. Xa: phổi, gan, xương
Âm hộ	Hạch vùng: hạch bẹn (30 – 40%), hạch bẹn nông → hạch đùi → hạch Cloquet → chậu ngoài. Xa: phổi, gan, xương, hạch sau phúc mạc, hạch di căn xa.
Tuyến tiền liệt	Di căn xương thể tạo xương, gan, não, phổi + mô mềm hiếm. Hạch bịt, hạch quanh bàng quang, hạch hạ vị, hạch trước xương thiêng, hạch cạnh đại động mạch. Ngoại niệu: hạch chậu trong, chậu ngoài, trước xương cùng Khi hạch vùng có xâm lấn thì hầu như có di căn xa.
Dương vật	
Tinh hoàn	Phổi (+++), gan Hạch cạnh ĐMC bụng (80%), hạch cạnh tĩnh mạch chủ, hạch trung thất, hạch trên đòn Sinh thiết đường bìu → di căn bẹn (hiếm). Cắt qua đường bẹn → di căn chậu (<3%).

Thận	
Melanoma	
Da	

Cơ quan di căn	U nguyên phát
Gan	Phổi, vú, tinh hoàn, TTL, CTC, DD
Xương	Phổi, vú, trực tràng, CTC
Phổi	Vú, trực tràng, tinh hoàn, TTL, CTC
Não	Phổi, vú, trực tràng, TTL